

những điều cần thiết để thi hành điều lệ này, theo dõi, hướng dẫn các xí nghiệp, các địa phương chấp hành điều lệ cho đầy đủ và chu đáo, tổ chức rút kinh nghiệm để kịp thời nâng cao chất lượng quản lý tài chính xí nghiệp.

Đối với các xí nghiệp địa phương, các Ủy ban hành chính tỉnh, thành, khu, căn cứ vào điều lệ này, có thể quy định cụ thể cho thích hợp với điều kiện của xí nghiệp địa phương và báo cáo cho Bộ Tài chính để xét duyệt trước khi thi hành.

*Ban hành kèm theo nghị định số 48-TTg
ngày 27-4-1962 của Thủ tướng Chính phủ*

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

NGUYỄN DUY TRINH

LIÊN BỘ

Y TẾ — TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ số 08-TT/LB ngày 10-4-1962
về việc thanh toán tiền thuốc chữa bệnh
bằng đông y.

Kính gửi: Các Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành,
Các Sở, Ty Tài chính,
Các Sở, Ty Y tế,
Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế.

Để tạo điều kiện thực hiện việc kết hợp đông, tây y trong công tác phòng bệnh chữa bệnh, Liên Bộ Y tế — Tài chính quy định việc thanh toán tiền thuốc cho cán bộ công nhân viên chức Nhà nước được chữa bệnh bằng đông y như sau:

I. VỀ VIỆC THANH TOÁN TIỀN THUỐC ĐÔNG Y

1. Các đơn thuốc đông y do các bệnh viện (hoặc Viện nghiên cứu đông y) cấp, dưới hình thức thuốc chén hoặc cao đơn, hoàn, tán do các xí nghiệp quốc doanh hay các bệnh viện sản xuất đều được thanh toán.

2. Trong những trường hợp nhất định, nếu bệnh viện xét hợp tác xã đông y được, tập đoàn đông y được có thể chữa được và được Ty Y tế địa phương xác nhận thì bệnh viện có thể giới thiệu bệnh nhân đến hợp tác xã hay tập đoàn đông y được chữa. Trường hợp này cũng được thanh toán tiền thuốc. Cơ quan có bệnh nhân trực tiếp thanh toán với các hợp tác xã, tập đoàn đông y được và chỉ thanh toán thuốc chữa bệnh mà không thanh toán thuốc

bổ như các loại sâm nhung, cao, quế đắt tiền. Bệnh viện có trách nhiệm theo dõi chặt chẽ qua từng thời kỳ 2 hoặc 3 tuần. nếu bệnh không thuyên giảm thì bệnh viện tổ chức hội chẩn, có ý kiến nên tiếp tục hay thôi. Một mặt để rút được kinh nghiệm, một mặt bảo đảm kết quả chữa bệnh, tránh lãng phí công quỹ.

3. Nếu chữa nội trú bằng đông y thì bệnh viện sẽ trực tiếp cấp thuốc cho bệnh nhân (dùng quỹ tạm ứng để mua thuốc) sau đó sẽ thanh toán tiền với cơ quan theo chế độ viện phí.

II. MẤY ĐIỂM CẦN CHÚ Ý THỰC HIỆN

1. Nhằm vững phương châm « thực hiện từ thấp đến cao từ việc chữa bệnh thông thường đến việc chữa bệnh khó và lâu năm theo chỉ thị số 101-TT ngày 15-3-1961 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Không được vì cảm tình, nể nang mà cho chữa bệnh bằng đông y một cách tràn lan, hoặc k những đơn thuốc quá đắt tiền trong lúc chưa cần thiết, chú ý dùng thuốc ta, thuốc gia truyền, thuốc của dân tộc ít người.

Cần kiểm tra theo dõi chặt chẽ đúc rút kinh nghiệm và chữa bệnh được kết quả tốt và tiết kiệm.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày ban hành những quy định trước nay trái với thông tư này đều bãi bỏ.

Hà nội, ngày 10 tháng 4 năm 1962

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính
Thủ trưởng

TRỊNH VĂN BÌNH

K.T. Bộ trưởng Bộ Y tế
Thủ trưởng

ĐINH THỊ CẦN

CÁC BỘ

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

QUYẾT ĐỊNH số 328-QĐ/LĐ ngày 19-3-1962
ban hành điều lệ tạm thời về trả lương
tính theo sản phẩm áp dụng trong các
ngành hoạt động thuộc Bộ Giao thông
Vận tải.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ chỉ thị số 83TTg ngày 6 tháng 3 năm 1961 của Thủ tướng Chính phủ về việc thi hành chế độ tiền lương sản phẩm;

Để mở rộng việc thi hành chế độ tiền lương sản phẩm phù hợp với tính chất sản xuất và đặc điểm của ngành Giao thông Vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Ban hành điều lệ tạm thời về trả lương tính theo sản phẩm để áp dụng trong các ngành hoạt động thuộc Bộ Giao thông Vận tải.

Điều 2. — Bản điều lệ này là quy định tổng quát của chế độ tiền lương tính theo sản phẩm của ngành Giao thông vận tải. Các Tổng cục, Cục, Công ty công trình và những đơn vị trực thuộc khác của Bộ sẽ cùng với Vụ Lao động tiền lương căn cứ vào nguyên tắc của bản điều lệ này để nghiên cứu công bố các quy định cụ thể thích hợp với đặc điểm vận tải, sản xuất, sửa chữa và xây dựng của từng ngành.

Điều 3. — Các ông Tổng cục trưởng, Cục trưởng, Viện trưởng, Vụ trưởng, Giám đốc cảng, Chủ nhiệm Công ty công trình, Chánh văn phòng Bộ và cán bộ lãnh đạo các cấp thuộc Bộ Giao thông Vận tải có trách nhiệm thi hành quyết định này trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Hà nội, ngày 19 tháng 3 năm 1962

K. T. Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải

Thứ trưởng

DUONG BẠCH LIÊN

ĐIỀU LỆ TẠM THỜI

**về chế độ tiền lương trả theo sản phẩm
trong các ngành thuộc Bộ Giao thông Vận tải**

CHƯƠNG I**NGUYÊN TẮC CHUNG**

Điều 1. — Để thực hiện chế độ tiền lương trả theo sản phẩm hợp với đặc điểm của các ngành hoạt động thuộc Bộ Giao thông vận tải, quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động, kết hợp chặt chẽ lợi ích của từng công nhân viên với lợi ích chung của Nhà nước, phát huy tính tích cực và tinh sáng tạo của công nhân viên, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng hạ giá thành trên cơ sở đó tăng thêm thu nhập của công nhân viên một cách thích đáng, nên tạm thời quy định bản điều lệ này.

Điều 2. — Trong các đơn vị vận tải, sản xuất, sửa chữa và xây dựng mới những công việc nào có thể định được mức kỹ thuật lao động, thống kê được số lượng, kiểm tra nghiệm thu được chất lượng sản phẩm, đều phải tạo điều kiện cần thiết để từng bước thực hiện chế độ tiền lương trả theo sản phẩm dưới nhiều hình thức thích hợp với tính chất sản xuất của từng ngành.

Điều 3. — Chế độ tiền lương trả theo sản phẩm áp dụng cho tất cả công nhân và nhân viên trực tiếp sản xuất. Về nguyên tắc không áp dụng đối với trường hợp học nghề và tập sự.

Điều 4. — Ở những đơn vị thực hiện chế độ tiền lương trả theo sản phẩm, cần phải làm tốt công tác định mức kỹ thuật lao động, xác định cấp bậc công việc, định đơn giá và phương pháp trả lương. Đồng thời phải tăng cường công tác kế hoạch thật chu đáo sát sao; phải thống kê một cách chính xác về số lượng và nghiệm thu một cách chặt chẽ về chất lượng sản phẩm; phải đảm bảo cung cấp kịp thời nguyên nhiên vật liệu và dụng cụ; phải tăng cường công tác bảo hộ lao động và an toàn kỹ thuật.

Điều 5. — Tất cả công nhân viên làm việc theo chế độ tiền lương sản phẩm vẫn thi hành đúng chế độ lao động và được hưởng đủ các khoản đãi ngộ khác như những công nhân viên làm việc theo chế độ lương thời gian.

Điều 6. — Việc thực hiện chế độ tiền lương trả theo sản phẩm phải tiến hành một cách tích cực và thận trọng dưới sự lãnh đạo thống nhất của cấp ủy Đảng và sự phối hợp chặt chẽ giữa chuyên môn và Công đoàn cùng cấp.

Điều 7. — Các đơn vị sản xuất thi hành chế độ tiền lương sản phẩm phải được cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp đồng ý.

Điều 8. — Trong khi Bộ chưa công bố quy định cụ thể về trả lương theo sản phẩm trong từng ngành Tổng cục Đường sắt, các Cục quản lý, các Công ty công trình và các cơ quan Giao thông vận tải đi phươg căn cứ vào nguyên tắc của điều lệ này để quy định cụ thể việc trả lương theo sản phẩm thích hợp trong từng ngành và tạm thời công bố áp dụng. Trước khi công bố phải được sự thỏa thuận của Vụ Lao động tiền lương và sau khi công bố phải gửi về Bộ một bản để thẩm tra theo dõi.

CHƯƠNG II**ĐỊNH MỨC KỸ THUẬT LAO ĐỘNG
VÀ CẤP BẬC CÔNG VIỆC**

Điều 9. — Định mức kỹ thuật lao động là yếu then chốt để đảm bảo thực hiện chế độ tiền lương trả theo sản phẩm đạt kết quả. Việc tính lương theo sản phẩm phải căn cứ vào định mức kỹ thuật lao động. Mức kỹ thuật lao động áp dụng cho việc trả lương theo sản phẩm phải là mức trung bình tiến tiến được xác định theo bản quy tắc tạm thời về phương pháp định mức và quản lý mức kỹ thuật lao động của Bộ Giao thông vận tải đã ban hành.

Trong điều kiện chưa định được mức kỹ thuật lao động theo phương pháp đã định thì tạm thời có thể áp dụng phương pháp thống kê kinh nghiệm có kết hợp khảo sát phân tích và loại trừ những hiện tượng sử dụng thời gian không hợp lý để xác định mức. Trường hợp sử dụng mức xác định theo phương pháp thống kê kinh nghiệm phải được sự đồng ý của cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và chỉ được sử dụng trong một thời gian nhất định.

Điều 10. — Cấp bậc công việc là một trong những căn cứ cần thiết để thực hiện chế độ tiền

lượng sản phẩm. Trên nguyên tắc cấp bậc kỹ thuật công nhân phải phù hợp với cấp bậc công việc. Gặp trường hợp cấp bậc kỹ thuật công nhân không phù hợp với cấp bậc công việc thì trước khi thực hiện lương sản phẩm phải tìm mọi biện pháp để điều chỉnh cho phù hợp.

Những công việc nào Nhà nước đã quy định cấp bậc công việc thống nhất thì căn cứ theo quy định của Nhà nước để áp dụng.

Những công việc nào Nhà nước hoặc Bộ chưa quy định cấp bậc thống nhất thì đơn vị sản xuất xác định và trình cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xét duyệt để áp dụng.

CHƯƠNG III

ĐỊNH ĐƠN GIÁ SẢN PHẨM

Điều 11. — Đơn giá sản phẩm là tiền lương của công nhân trong một đơn vị sản phẩm. Đơn vị sản phẩm có thể là m, m², m³, cân, tấn, cái hoặc bằng một đơn vị tính toán đo lường khác. Đơn giá sản phẩm được xác định theo tiền lương ngày hay tháng của cấp bậc công việc, định mức kỹ thuật lao động và thời gian lao động tiêu chuẩn trung bình của mỗi tháng trong toàn năm.

Trường hợp định mức cho cá nhân thì cách tính đơn giá định như sau:

a) Đơn giá tính theo mức sản lượng thì lấy lương tiêu chuẩn của cấp bậc công việc chia cho định mức sản lượng, cụ thể là:

$$\text{Đơn giá} = \frac{\text{Lương tiêu chuẩn của cấp bậc công việc}}{\text{Định mức sản lượng}}$$

Ví dụ: Lương ngày của công việc «đào đất» là 1d42 và định mức sản lượng «đào đất» 1 ngày là 7,1m³ thì đơn giá đào 1m³ đất sẽ là 1d42 : 7,1 = 0,20.

b) Đơn giá tính theo mức giờ làm thì lấy lương tiêu chuẩn của cấp bậc công việc nhân với định mức giờ làm, cụ thể là:

Đơn giá = lương tiêu chuẩn của cấp bậc công việc × định mức giờ làm.

Ví dụ: Lương ngày của công việc «tiện piston» là 2d68 và định mức giờ làm là 3 giờ 1 cái thì đơn giá tiện 1 cái piston tính như sau:

$$\frac{2d68}{8} \times 3 = 1d005$$

Trường hợp định mức cho tổ thì cách tính đơn giá như sau:

a) Đơn giá tính theo mức sản lượng thì lấy lương tiêu chuẩn theo cấp bậc công việc của tổ chia cho định mức sản lượng của tổ, cụ thể là:

Lương tiêu chuẩn theo cấp bậc công việc của tổ

$$\text{Đơn giá} = \frac{\text{Lương tiêu chuẩn theo cấp bậc công việc của tổ}}{\text{Định mức sản lượng của tổ}}$$

Ví dụ: Sản xuất một sản phẩm x cần phải bố trí một tổ công nhân 4 người, trong đó phải có 2 người

bậc 1 lương mỗi ngày là 1d46, một người bậc 4 lương mỗi ngày 2d31, một người bậc 6 lương mỗi ngày 3d13. Định mức sản lượng một ngày của tổ là 2 sản phẩm; vậy đơn giá 1 sản phẩm x sẽ là:

$$\frac{[(1d46 \times 2) + 2d31 + 3d13]}{2} = 4d18$$

b) Đơn giá tính theo định mức giờ làm thì lấy lương tiêu chuẩn bình quân theo cấp bậc công việc của tổ nhân với định mức giờ làm của cả tổ, tức là:

Đơn giá = lương tiêu chuẩn bình quân theo cấp bậc công việc của tổ × định mức giờ làm của cả tổ.

Ví dụ: Công việc «đúc cống» cần phải bố trí một tổ công nhân 4 người trong đó phải có 2 người bậc 2, lương mỗi ngày là 1d65 và 2 người bậc 3 lương mỗi ngày là 1d93. Định mức giờ làm 1 cái cống cho cả tổ là 12 giờ. Tính đơn giá đúc 1 cái cống như sau:

$$\frac{[(1d65 \times 2) + (1d93 \times 2)]}{8 \times 4} \times 12 = 2d67$$

Điều 12. — Những công việc định mức theo phương pháp định mức kỹ thuật thì khi tính đơn giá được nâng tiền lương cấp bậc lên từ 3 đến 10% theo tỷ lệ khuyến khích. Tỷ lệ khuyến khích sẽ căn cứ vào đặc điểm kỹ thuật của từng ngành để quy định trong nội quy trả lương theo sản phẩm của từng ngành.

CHƯƠNG IV

NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP TÍNH LƯƠNG

Điều 13. — Tất cả những sản phẩm công nhân làm ra đều phải kịp thời nghiệm thu. Sau khi nghiệm thu xác nhận đúng quy cách kỹ thuật thì căn cứ theo đơn giá sản phẩm để tính trả toàn bộ lương cho công nhân, trừ trường hợp có quy định riêng.

Sản phẩm làm xong nhưng nghiệm thu không kịp thì cán bộ nghiệm thu chịu trách nhiệm.

Trường hợp sản phẩm đã nghiệm thu và đã trả lương cho công nhân rồi mới phát hiện không đúng quy cách kỹ thuật thì cán bộ nghiệm thu chịu trách nhiệm, đồng thời công nhân sản xuất ra sản phẩm đó cũng phải chịu trách nhiệm về phần mình nhưng không phải hoàn lại tiền lương đã lĩnh, trừ hiện tượng cố tình che giấu thì ngoài việc thi hành các biện pháp hành chính cần thiết còn phải khấu trừ một phần tiền lương bằng 10% đơn giá sản phẩm đó.

Điều 14. — Việc trả lương đối với công nhân viên làm việc theo chế độ tiền lương sản phẩm cũng theo đúng thời gian quy định đối với công nhân viên làm việc theo chế độ tiền lương thời gian. Nếu gặp trường hợp đến ngày phát lương nhưng sản phẩm chưa nghiệm thu được thì tạm ứng theo tiền lương tiêu chuẩn trong thời gian làm sản phẩm đó và thanh toán ngay vào tháng sau.

Điều 15. — Nếu định mức cho cá nhân thì căn cứ phiếu công tác của cá nhân để tính trả lương nếu định cho tổ thì căn cứ phiếu công tác của tổ để tính. Tiền lương hàng tháng của công nhân gồm tiền lương sản phẩm theo đơn giá và tiền lương thời gian trong những trường hợp không làm việc theo chế độ tiền lương sản phẩm.

Điều 16. — Trên nguyên tắc tiền lương sản phẩm tổ nhận được phải phân phối cho từng công nhân trong tổ theo tiền lương tiêu chuẩn và thời gian làm việc thực tế của từng người. Cụ thể sẽ tiến hành như sau :

a) Tính tiền lương tiêu chuẩn theo số ngày làm việc của từng công nhân rồi cộng lại để tìm lương tiêu chuẩn theo số ngày làm việc của tổ.

b) Lấy lương tính theo sản phẩm của tổ chia cho lương tiêu chuẩn theo số ngày làm việc của tổ để tìm «suất phân phối».

c) Lấy lương tiêu chuẩn theo số ngày làm việc của từng người nhân với «suất phân phối» để tìm lương tính theo sản phẩm của từng người.

Trường hợp cấp bậc kỹ thuật công nhân chưa phù hợp với cấp bậc công việc hoặc còn có chỗ chưa phù hợp với khả năng thực tế của công nhân, nếu phân phối tiền lương theo phương pháp trên không thể hiện được nguyên tắc phân phối theo lao động thì tùy tình hình cụ thể mà áp dụng phương pháp phân phối theo tiền lương tiêu chuẩn và thời gian làm việc thực tế của từng người kết hợp với chấm điểm hàng ngày hoặc phân phối theo phương pháp bình công chấm điểm.

Việc áp dụng một trong 3 hình thức phân phối tiền lương trong tổ sản xuất nói ở điều này do công nhân trong từng tổ lựa chọn hoặc nói rõ trong quy định cụ thể của từng ngành.

Điều 17. — Khi phân phối công việc cho công nhân làm việc theo chế độ tiền lương sản phẩm, cấp bậc công việc phải phù hợp với cấp bậc kỹ thuật của công nhân. Nếu vì lý do đặc biệt chưa thể xác định phù hợp được thì giải quyết như sau :

a) Khi cấp bậc công việc cao hơn cấp bậc kỹ thuật công nhân thì tính theo đơn giá của sản phẩm làm ra.

b) Khi cấp bậc công việc thấp hơn cấp bậc kỹ thuật công nhân, vẫn tính theo đơn giá của sản phẩm làm ra để trả lương. Nhưng gặp trường hợp cấp bậc kỹ thuật của công nhân cao hơn cấp bậc công việc từ 2 bậc trở lên thì ngoài tiền lương trả theo sản phẩm còn được trả thêm khoản tiền chênh lệch giữa mức lương của cấp bậc công việc và cấp bậc kỹ thuật công nhân từ bậc thứ 2 trở đi, nếu người công nhân đó hoàn thành được mức quy định.

Vi dụ : Cấp bậc công việc là bậc 4, cấp bậc kỹ thuật công nhân là bậc 6, người này đã hoàn thành được mức thì khoản tiền chênh lệch được trả là hiệu số giữa lương bậc 6 và lương bậc 5.

Điều 18. — Khi công nhân làm ra sản phẩm hỏng hoặc không đúng quy cách kỹ thuật thì tiền lương sẽ giải quyết như sau :

Trường hợp vì bản thân người công nhân thiếu trách nhiệm :

a) Khi làm ra sản phẩm hỏng không được trả lương.

b) Khi làm ra sản phẩm không đúng quy cách kỹ thuật phải do người công nhân làm ra sản phẩm đó sửa chữa lại; sau khi sửa chữa đúng quy cách mới trả lương. Thời gian sửa chữa không tính lương. Nếu vì yêu cầu của công việc mà chính quyền phân phối cho người khác hay tổ khác chữa lại thì tiền lương của thời gian sửa chữa này phải do đơn giá sản phẩm đó trả.

Trường hợp không phải vì bản thân người công nhân thiếu trách nhiệm :

a) Khi làm ra sản phẩm hỏng, không cứ sản phẩm này có sửa chữa lại được hay không để nhất luật trả lương tiêu chuẩn theo thời gian thực tế làm việc, nhưng số tiền lương này nhiều thì không được quá đơn giá của sản phẩm bị hỏng.

b) Khi làm ra sản phẩm không đúng quy cách kỹ thuật thì do người công nhân làm ra sản phẩm đó sửa chữa lại, sau khi sửa chữa đúng quy cách rồi thì ngoài tiền lương trả theo đơn giá, còn phải trả thêm tiền lương tiêu chuẩn trong thời gian sửa chữa cho công nhân đó.

Trường hợp công nhân từ chối không chịu sửa chữa sản phẩm không đúng quy cách do mình làm ra thì không trả lương của sản phẩm đó.

Điều 19. — Nếu vì người công nhân thiếu trách nhiệm, thường làm hư hỏng dụng cụ, thiết bị hoặc vật liệu làm đình trệ công việc sản xuất thì ngoài việc phải chịu kỷ luật ra, chính quyền và công đoàn cơ sở còn có thể tùy tình hình cụ thể để quyết định bồi thường một phần hay toàn bộ số tiền thiệt hại.

Số tiền này sẽ trừ dần vào lương mỗi tháng không quá 15% tiền lương tháng. Nếu thái độ tốt và sửa chữa tốt thì có thể được xét miễn hoặc giảm số tiền bồi thường.

Điều 20. — Khi công nhân phải ngừng việc vì máy móc thiết bị hỏng hoặc vì một nguyên nhân khác, phải kịp thời bố trí làm công việc khác. Trong trường hợp đó tiền lương sẽ tính theo quy định sau :

1. Nếu chuyển sang công việc làm theo chế độ tiền lương sản phẩm, thì sẽ theo đơn giá quy định để trả lương; nếu cấp bậc công việc không phù hợp với cấp bậc kỹ thuật công nhân thì giải quyết theo điều 17.

2. Nếu chuyển sang công việc không có định mức thì trả tiền lương tiêu chuẩn theo thời gian làm việc thực tế.

Trường hợp công nhân phải nghỉ việc thì áp dụng theo quy định hiện nay đối với các trường hợp ngừng việc.

Điều 21. — Trường hợp công nhân viên đi công tác, đi họp hay chấp hành một công việc nào khác do cấp trên giao mà không thể tham gia sản xuất được thì hưởng lương tiêu chuẩn.

Điều 22. — Nữ công nhân viên trong những ngày hành kinh và trong thời kỳ thai nghén từ tháng thứ bảy trở đi không tiện làm việc theo chế độ tiền lương sản phẩm, được trả theo tiền lương tiêu chuẩn. Trường hợp làm việc chung với tổ đang thực hiện lương sản phẩm thì năng suất đạt được sẽ tính cho xí nghiệp, công trường. Thời giờ cho con bú tính theo lương tiêu chuẩn.

Điều 23. — Tổ trưởng sản xuất ngoài nhiệm vụ sản xuất của mình cần có thời gian để làm nhiệm vụ chung của tổ. Thời gian này do cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp quyết định, nhưng tối đa mỗi ngày không được quá 1 giờ. Những giờ đó được trả lương tiêu chuẩn.

Điều 24. — Những công việc có quy định mức lương nóng có hại thì đơn giá sẽ tính trên cơ sở mức lương nóng có hại.

Điều 25. — Những công nhân viên đang hưởng theo mức tiền công địa phương và những công nhân tạm tuyển đang hưởng 85% lương cấp bậc thì khi tính tiền lương cần thi hành đúng theo quy định chung của Bộ Lao động.

Điều 26. — Trong những trường hợp sau đây, nếu tiền lương tính theo sản phẩm trong cả tháng ít, thua tiền lương tiêu chuẩn tháng đó thì được trả đủ tiền lương tiêu chuẩn trong thời gian từ 1 đến 3 tháng.

a) Khi thực hiện lương sản phẩm lần đầu

b) Khi tổ chức sản xuất và kỹ thuật sản xuất thay đổi lớn làm cho định mức kỹ thuật phải sửa đổi lớn.

c) Khi công nhân viên được điều động qua làm công việc khác hoặc được phân công sản xuất một sản phẩm mới mà Chính quyền và Công đoàn đơn vị thấy cần phải có thời gian học tập rút kinh nghiệm.

CHƯƠNG V

PHẠM VI TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ MÔN CÓ LIÊN QUAN

Điều 27. — Chế độ tiền lương trả theo sản phẩm là hình thức chính của chế độ tiền lương đồng thời cũng là một chế độ quản lý quan trọng của xí nghiệp xã hội chủ nghĩa để phát huy tác dụng quy luật phân phối theo lao động, con đường đẩy mạnh sản xuất phát triển. Vì thế cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành của Bộ có trách nhiệm bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh chế độ này dưới sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và sự phối hợp chặt chẽ với công đoàn, với đoàn Thanh niên lao động cùng cấp; phải theo đúng tinh thần và những quy định của bản điều lệ này để mở rộng và không ngừng đề cao chế độ tiền lương trả theo sản phẩm trong ngành mình, đơn vị mình; phải luôn luôn nắm vững tình hình tiền lương trả theo sản phẩm của ngành mình, đơn vị mình và những vấn đề phát sinh tồn tại để cùng các bộ môn liên quan đặt biện

pháp giải quyết kịp thời. Chức phó kỹ thuật ở các cấp trực tiếp phụ trách về vấn đề này.

Điều 28. — Trưởng ngành, trưởng ban sản xuất hoặc những chức vụ tương đương là những cán bộ lãnh đạo trực tiếp, có trách nhiệm thực hiện mọi biện pháp cần thiết để anh chị em công nhân có thể thực hiện chế độ tiền lương, trả theo sản phẩm một cách có hiệu quả nhất. Trách nhiệm cụ thể là:

a) Tăng cường công tác kế hoạch, bảo đảm việc phân phối nhiệm vụ được đầy đủ, tránh hiện tượng chờ đợi làm cho công việc sản xuất bị gián đoạn.

b) Thực hiện tốt chế độ kiểm tra trong khi sản xuất, đảm bảo chất lượng, số lượng phù hợp với yêu cầu.

c) Nắm vững định mức đã định để tính công và phân phối một cách kịp thời, chính xác.

d) Nắm vững tình hình hoàn thành nhiệm vụ ghi trong phiếu công tác, kịp thời phân tích tình trạng tăng giảm về số lượng, tìm ra nguyên nhân và có kế hoạch giải quyết thích đáng.

e) Có kế hoạch kịp thời đúc kết và phổ biến những kinh nghiệm tiên tiến trong công tác, giúp đỡ những người không đạt mức.

g) Giải quyết các vấn đề về tiền lương trả theo sản phẩm do anh chị em công nhân trong phạm vi mình phụ trách nêu lên. Trường hợp không giải quyết được thì phản ánh với bộ môn lao động tiền lương hoặc định mức kỹ thuật để yêu cầu giải quyết.

Điều 29. — Bộ môn lao động tiền lương và định mức kỹ thuật lao động có nhiệm vụ chính trong việc tổ chức thực hiện tốt chế độ tiền lương trả theo sản phẩm. Trách nhiệm cụ thể là:

a) Thường xuyên dùng phương pháp tả thực và khảo sát thời gian để nắm vững tình hình sản xuất phân tích các vấn đề tồn tại trên mặt sản xuất, đề ra những ý kiến cải tiến, có kế hoạch bổ sung dần các định mức của đơn vị.

b) Giám sát việc tính và trả lương được chính xác.

c) Nắm vững tình hình vượt và lự định mức tăng và giảm tiền lương, tiến hành phân tích mọi cách có hệ thống tích lũy tài liệu và ý kiến giải quyết những vấn đề này, đặc biệt chú trọng vấn đề định mức và đơn giá.

d) Nắm vững tình hình sử dụng thời giờ làm việc, thời gian làm việc theo chế độ tiền lương tiêu chuẩn. Có biện pháp giải quyết kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm tận dụng thời gian làm việc, tận dụng điều kiện mở rộng chế độ tiền lương trả theo sản phẩm.

e) Cùng với các bộ môn kỹ thuật và giáo dục, tổng kết và phổ biến kinh nghiệm tiên tiến.

Điều 30. — Bộ môn kỹ thuật có trách nhiệm chủ yếu là tạo mọi điều kiện cần thiết và hết lòng giúp đỡ anh chị em công nhân tranh thủ hoàn thành và hoàn thành vượt mức định mức kỹ thuật lao động, nâng cao năng suất lao động. Trách nhiệm cụ thể là:

a) Thường xuyên tìm tòi và phổ biến kinh nghiệm công tác tiên tiến, cải tiến thiết bị. Đặc biệt quan tâm đến những người vượt mức cũng như những người không đạt mức, phân tích nguyên nhân vượt mức và không đạt mức để kịp thời có kế hoạch phổ biến hoặc giúp đỡ một cách có hiệu quả.

b) Thực hiện mọi biện pháp cần thiết để tận dụng giờ làm, tìm cách giảm bớt và xóa bỏ dần những thời gian chờ đợi không sản xuất, trước nhất là hiện tượng nghỉ chờ việc.

c) Xây dựng, sửa đổi và quán triệt chế độ làm việc, quá trình làm việc cho hợp lý, có kế hoạch loại trừ một cách hiệu quả những hiện tượng không ổn định trong công tác.

d) Hướng dẫn anh chị em công nhân làm đúng quy cách kỹ thuật, kịp thời phát hiện và giúp đỡ biện pháp sửa chữa những hiện tượng sai phạm.

Điều 31. — Bộ môn kiểm tra nghiệm thu phải có chế độ công tác rõ ràng, phải kịp thời nghiệm thu chu đáo các sản phẩm của công nhân làm ra có ký nhận về chất lượng sản phẩm trong phiếu công tác của người công nhân để bộ phận kế toán tính lương.

Điều 32. — Bộ môn ghi công chịu trách nhiệm ghi phiếu công tác, ký nhận phiếu vào sổ sách theo dõi hàng ngày được kịp thời, số liệu được chính xác và kịp thời giao phiếu công tác đã hoàn thành cho bộ môn kế toán để tính trả lương cho công nhân, đồng thời có nhiệm vụ giúp đỡ bộ môn định mức trong việc theo dõi điều chỉnh mức kỹ thuật lao động cho kịp thời.

Điều 33. — Bộ môn kế toán chịu trách nhiệm tính lương sản phẩm để trả lương cho công nhân đúng theo chế độ quy định.

Điều 34. — Các bộ môn khác, căn cứ vào phạm vi trách nhiệm của mình để phối hợp nghiên cứu và thực hiện các biện pháp cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tốt chế độ tiền lương trả theo sản phẩm.

Ban hành kèm theo quyết định số 328-QĐ/LĐ
ngày 19 tháng 3 năm 1962

BỘ GIÁO DỤC

QUYẾT ĐỊNH số 202/QĐ ngày 19-3-1962 về việc định quy chế lên lớp cho học sinh Trường phổ thông.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC

Căn cứ nghị định số 596-NĐ ngày 30-8-1956 ban hành quy chế Trường phổ thông;

Căn cứ 2 nghị định số 399-NĐ ngày 10-5-1957 và số 410-NĐ ngày 13-5-1957 ban hành quy chế lên lớp cho học sinh Trường phổ thông;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ Giáo dục phổ thông;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay bãi bỏ 2 nghị định số 399-NĐ ngày 10-5-1957 và số 410-NĐ ngày 13-5-1957 nói trên và ấn định dưới đây quy chế lên lớp cho học sinh các lớp 1, 2, 3, 5, 6, 8 và 9 Trường phổ thông áp dụng từ năm học 1961-1962.

Điều 2. — Được lên lớp thẳng những học sinh các lớp 1, 2, 3, 5, 6, 8 và 9 Trường phổ thông có điểm số sau đây vào cuối năm học.

a) Đối với các trường cho điểm trên 10:

— Về học lực: học sinh được điểm trung bình cả năm từ 5/10 trở lên;

— Về hạnh kiểm: học sinh được điểm tổng kết cả năm từ 8/10 trở lên.

b) Đối với các trường cho điểm 5 bậc:

— Về học lực: học sinh được điểm tổng kết cả năm từ 3 trở lên về tất cả các môn học;

— Về hạnh kiểm: học sinh được điểm tổng kết cả năm từ 4 trở lên.

Điều 3. — Không được lên lớp trên, những học sinh các lớp 1, 2, 3, 5, 6, 8 và 9 Trường phổ thông có điểm số từ mức ấn định dưới đây trở xuống vào cuối năm học:

a) Đối với các trường cho điểm trên 10:

Học sinh dù đạt điểm tổng kết hạnh kiểm cả năm là 10/10 nhưng về học lực chỉ đạt điểm trung bình cả năm từ 4/10 trở xuống.

b) Đối với các trường cho điểm 5 bậc: (có 2 mức)

— Học sinh được điểm tổng kết hạnh kiểm cả năm là 4 và có 2 môn học được điểm tổng kết cả năm là 2;

— Học sinh dù đạt điểm tổng kết hạnh kiểm cả năm là 5 nhưng về học lực, học sinh có 2 điểm tổng kết cả năm 2 về 2 môn Quốc văn và Toán hay có 2 điểm tổng kết cả năm 2 về bất cứ môn học nào.

Điều 4. — Sẽ đưa ra Hội đồng nhà trường xét những học sinh không ở vào các trường hợp đã quy định trong các điều 2 và 3 trên đây. Đối với học sinh ở vào trường hợp được đưa ra xét, Hội đồng nhà trường có thể quyết định:

— hoặc cho hay không cho học sinh lên lớp,

— hoặc cho học sinh được thi lại những môn học kém trước khi quyết định.

Điều 5. — Khi đưa ra xét việc lên lớp của một học sinh, Hội đồng nhà trường căn cứ chủ yếu vào học lực và hạnh kiểm và chú ý đến sự tiến bộ của học sinh vào cuối năm học.

Riêng đối với học sinh ở vào trường hợp đưa ra Hội đồng nhà trường xét đã nghỉ nhiều trong năm học (học sinh miền xuôi nghỉ quá 45 ngày, học sinh miền núi nghỉ quá 60 ngày; nghỉ một lần liên tục hay thành nhiều lần cộng lại), Hội đồng chỉ chiếu cố cho lên lớp nếu xét việc nghỉ học của học sinh có lý do chính đáng và về thực chất học sinh có thể đạt đủ trình độ để theo học lớp trên sau một thời gian nỗ lực học tập.